**CSS**

* Color: #DDD
* Text-align: center | left | right | justify
* Text-decoration: none | underline | overline | line-through
* Text-transform: uppercase | lowercase | capitalize
* Text-indent: 10px (gt: trong 1 đoạn văn, muốn hàng đầu tiên lùi vô 1 khoảng)
* Letter-spacing: 5px (gt: khoảng cách từng chữ)
* Word-spacing: 10px (gt: khoảng cách từng từ)
* Line-height: 1.2 // a number (gt: khoảng cách giữa các dòng)
* Text-shadow: x y color blur
* Boder:

+ with

+ style: solid | dotted | dashed …

+ color

* Border-left-width
* Border-radious
* Background-color:

+ color:

+ transparent: màu trong suốt

+ gradient

* Background-img: url(…)

+ Background-repeat: repeat-x | repeat-y

+ Background-size: % | contain | cover| auto

+ Background-position: x y | center

+ Background-attachment: scole | fixed

* Css combination:
* Descendant selector (space)
* Child selector (>)
* Adjacent sibling selector (+)
* Generate sibling selector (~)
* Flexbox:
* Display: flex
* Flex-direction: row | colum
* Justify-content: (căn chỉnh vị trí của thằng con)

+ flex-start: mặc định;

+ flex-end: bên phải

+ center: giữa

+ space-between: chia đều khoảng cách giữa các element, k có khoảng trống 2 bên

+ space-around: chia đều khoảng cách giữa các element, có khoảng trống 2 bên. Khoảng cách giữa các element gấp đôi khoảng cách ở đầu và cuối.

+ space-evenly: chia đều khoảng cách = nhau ở đầu = giữa = cuối

* Align-items: (căn chỉnh các element theo hướng vuông góc với hướng hiện tại của nó)

+ center

+ flex-end

+ stretch: (mặc định) kéo dài khoảng dãn = độ dài

+ baseline

* Flex-basis: <length>; (áp dụng cho các thằng con bên trong container) dãn ra theo hướng của nó

+ auto: mặc định

* Flex-grow: <length>; (áp dụng cho các thằng con) có tác dụng khi thằng con còn chừa chỗ trống, nếu còn thừa nó sẽ chia cho các thằng con để k còn khoảng trống nữa

+ 0 : mặc định

* Flex-shrink: <number> (ngược lại với flex-grow) khi các thằng con có tổng chiều rộng vượt quá nó sẽ cắt bớt mỗi thằng con 1 ít.

+ 1: mặc định

* Order: <number> (thay đổi thứ tự hiển thị của thằng con).

+ 0: mặc định

* Box-sizing: border-box.
* Position: static |relative (dịch chuyển vị trí tương đối) | fixed (vị trí tương đối ) | absolute (dịch chuyển vị trí tương đối so với thằng cha của nó, tìm đến thằng cha đầu tiên mà có position là relative)
* 4 element thay đổi vị trí: top botton left right
* Clear: (không muốn thằng nào float ở bên …(left, right, both) của nó cả)
* 2D transform
* Translate: (dịch chuyển vị trí)
* Rotate: (xoay object)
* Scale: (phóng to, thu nhỏ)
* Skew: (biến dạng, làm méo theo trục x hoặc trục y)
* Matric:
* Transition: (làm các hiệu ứng mượt hơn)
* Grid: (dùng cho layout)

Fr: fraction (phần nhỏ trong nhiều phần lớn)

* Grid-template-colum: 70% 30% (chia thành 2 cột, cột 1 rộng 70%, cột 2 rộng 30%)
* Grid-template-colum: 2fr 1fr (cột 1 chiếm 2 phần, cột 2 chiếm 1 phần)
* grid-column-start: 1;

grid-column-end: 3; (bắt đầu từ cột 1 đến cột 3 hay)

* grid-column: 1/3; (viết gọn bắt đầu từ cột 1 đến cột 3)
* Em - rem – px:

1em = font của thằng cha của element hiện tại

2rem = 2 lần kích thước của root